

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 702/2019/HC-PT

Ngày: 30 - 9 - 2019

V/v Khiếu kiện quyết định hành
chính, hành vi hành chính trong lĩnh
vực thu hồi đất và bồi thường.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Thủy;

Các thẩm phán: Ông Lê Thành Văn;

Ông Phạm Công Mười.

- Thư ký phiên tòa: Ông Thái Lê Quỳnh – Thư ký Tòa án nhân dân cấp
cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh
tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Hữu Hậu – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành
phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số:
71/2019/TLPT-HC ngày 14 tháng 01 năm 2019 về “Khiếu kiện quyết định hành
chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực thu hồi đất và bồi thường”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 33/2018/HC-ST ngày 09 tháng 11 năm
2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1887/2019/QĐPT-HC
ngày 20 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện:

1/. Ông Nguyễn Quang V, sinh năm 1964. (có mặt)

2/. Bà Đoàn Thị L, sinh năm 1965. (có mặt)

Địa chỉ: thôn P, xã L, huyện L1, tỉnh Lâm Đồng.

- Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện L1, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Minh A – Phó Chủ tịch
UBND huyện L1. (có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/. Công ty cổ phần thủy điện T

Địa chỉ: thôn 2, xã T1, huyện D, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Huỳnh Vinh Q, (có mặt).

Địa chỉ: đường Th, Phường 14, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/. Ban quản lý rừng huyện L1

Địa chỉ: thôn L2, xã T1, huyện L1, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Kim L – Phó trưởng ban. (có mặt)

- *Người kháng cáo:* Ủy ban nhân dân huyện L1 và Công ty cổ phần thủy điện T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện ông Nguyễn Quang V, bà Đoàn Thị L trình bày:

Vào những năm 1992 đến năm 2003, 2004 vợ chồng ông V, bà L có khai phá diện tích đất khoảng 199.639m² tại thôn 5, xã T3, huyện L1. Năm 2004 vợ chồng ông V ký hợp đồng nhận khoán với Ban quản lý rừng L2 huyện L1 diện tích đất là 9,3ha đất rừng trồng tại tiểu khu 293 b thuộc thôn 5, xã T3, huyện L1. Sau khi khai phá và nhận khoán vợ chồng ông V đã trồng cây lâu năm và đào được 13 ao để thả cá và lấy nước phục vụ việc tưới tiêu cây trồng trên diện tích đất và trữ nước để phòng chống cháy rừng. Đến năm 2008 năm 2009 Nhà nước có chủ trương xây dựng nhà máy thủy điện Đ. Năm 2010, UBND huyện L1 thành lập Hội đồng thẩm định giá, đã tiến hành xác minh, đo, đếm diện tích đất và cây trồng trên đất của vợ chồng ông V để lên phương án bồi thường và hỗ trợ bồi thường theo qui định của pháp luật. Sau khi tiến hành xác minh, đo, đếm diện tích đất và cây trồng trên đất vợ chồng ông V đã được UBND huyện bồi thường giá trị đất và tài sản gắn liền trên đất đã bồi thường xong.

Riêng đối với 13 cái ao vợ chồng ông V đào thủ công diện tích là 29.933,9m³ tương ứng với số tiền 3.735.451.381 đồng đã được Chủ tịch UBND huyện ký duyệt chi bổ sung tại Tờ trình số 27/TTr-UBND ngày 16/3/2015 nhưng UBND huyện không chi trả cho vợ chồng ông V. Sau đó, vợ chồng ông V đã khiếu nại nhiều lần đến UBND huyện L1. Ngày 05/5/2017, UBND huyện L1 ban hành Quyết định 1524/QĐ-UBND phê duyệt bồi thường bổ sung công đào ao bằng thủ công cho vợ chồng ông V với số tiền 1.675.083.461 đồng, số tiền còn lại là 2.060.223.841 đồng thì UBND huyện L1 không thanh toán cho vợ chồng ông V theo qui định của pháp luật.

Nay vợ chồng ông V đề nghị Tòa án xem xét yêu cầu UBND huyện L1 phải bồi thường bổ sung cho vợ chồng ông V số tiền còn lại là 2.060.223.841 đồng.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện UBND huyện L1 trình bày:

Quyết định số 1524/QĐ-UBND ngày 05-05-2017 về việc phê duyệt phương án bồi thường bổ sung đào ao bằng thủ công cho các hộ ông Nguyễn Quang V, Lê Đình

M, Lê Đình V, Lê Đình H, Lê Đình D và bổ sung phần nương đào ao bằng thủ công cho các hộ ông: Lê Đình H1, Lê Đình N tại công trình Thủy điện Đ trên địa bàn huyện L1, được Trung tâm phát triển Quỹ đất kiểm kê, lập phương án bồi thường hỗ trợ, giải phóng mặt bằng và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Phòng tài nguyên và môi trường thẩm định phương án, báo cáo UBND huyện ban hành Quyết định phê duyệt cho ông Nguyễn Quang V là thực hiện đúng theo trình tự tại Luật đất đai năm 2013; Quyết định số 12/2015/QĐ-UBND ngày 10/02/2015 của UBND tỉnh Lâm Đồng v/v ban hành quy định một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng; Quyết định số 05/2012/QĐ-UBND ngày 21/03/2012 của UBND tỉnh Lâm Đồng v/v ban hành đơn giá xây dựng mới biệt thự, nhà ở, nhà kính và đơn giá cấu kiện tổng hợp để xác định giá trị tài sản là công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

Đối với yêu cầu UBND huyện L1 thanh toán số tiền còn lại 2.060.223.841 đồng là không có cơ sở. Bởi lẽ, Nhà nước thu hồi đất để thực hiện xây dựng Nhà máy Thủy điện Đ tại xã T3, huyện L1 nhằm mục đích phục vụ cho lợi ích quốc gia, phát triển kinh tế - xã hội. Tuy nhiên, khi thu hồi đất để thực hiện dự án, có một phần là đất rừng (đất lâm nghiệp của ban Quản lý rừng phòng hộ L2), một phần là đất do người dân sử dụng để sản xuất nông nghiệp, trong đó có hộ ông Nguyễn Quang V được thu hồi và tính toán bồi thường, hỗ trợ tại Quyết định số 251/QĐ-UBND ngày 07/02/2013 của UBND tỉnh Lâm Đồng, hộ ông V được tính toán chi trả là 3.676.641.750 đồng, nhưng khi thực hiện kiểm tra, xác minh về nguồn gốc sử dụng đất và quá trình sử dụng đất của hộ ông V. UBND huyện L1 có Tờ trình số 119/TTr- UBND ngày 30/10/2014 và Tờ trình số 134/TTr-UBND ngày 20/11/2014, Báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường điều chỉnh chi phí bồi thường, hỗ trợ 03 hộ, trong đó có hộ ông Nguyễn Quang V, thuộc trường hợp có phần diện tích đất thu hồi thuộc đất giao khoán của Ban quản lý rừng L2 giao để trồng rừng tập trung, nhưng đã được phê duyệt theo giá đất và cây trồng theo giá phân tán và hỗ trợ theo nguồn gốc sử dụng đất khai hoang là chưa đủ cơ sở nên phải tính toán lại để thực hiện theo Quyết định số 29/QĐ-UBND ngày 08/01/2015 của UBND tỉnh Lâm Đồng, thì hộ ông V được điều chỉnh với số tiền bồi thường, hỗ trợ là 2.213.817.000 đồng.

Ngày 24/8/2016, UBND huyện L1 ban hành Thông báo số 180/TB-UBND thống nhất xác định công đào ao bằng thủ công để lập phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng bổ sung cho một số hộ dân thuộc công trình Thủy điện Đ. Với lý do như sau: “Căn cứ biên bản kiểm kê hiện trạng lập vào ngày 28/10/2009; Hợp đồng giao khoán số 01/2004/HĐ-BQL giữa ông V và BQL rừng L2 ký, ngày 26/02/2004; Báo cáo số 825/PV11 (PC44) ngày 15/04/2016 của Công an tỉnh Lâm Đồng về việc báo cáo kết quả điều tra, xác minh đơn đề nghị của Công ty CP thủy điện T. Trên cơ sở lời khai của ông V với cơ quan Công an và lời khai khi lập biên bản kiểm kê hiện trạng cụ thể:

Chỉ xem xét tính toán bổ sung công đào ao thủ công đối với những ao đào năm 2004 trở về trước, bao gồm: Ao 1, 6, 7, 12, 13. Lý do các ao nêu trên nằm ngoài diện tích đất nhận khoán quản lý bảo vệ rừng.

Không tính toán bổ sung công đào ao bằng thủ công đối với những ao đào có thời gian đào sau năm 2004, bao gồm Ao số 2, 3, 4. Lý do: ông V và ban Quản lý rừng Phòng hộ L2 đã ký Hợp đồng giao khoán số 01/2004/HĐ-BQL giữa ông V và ban Quản lý rừng phòng hộ L2 ký ngày 26/02/2004. Ông V đào các ao trên phạm vi đất nhận giao khoán quản lý bảo vệ rừng.

Không tính toán bổ sung công đào ao bằng thủ công đối với các ao trong diện tích đất nhận khoán, bao gồm: Ao 5, 8, 9, 10, 11. Lý do: các ao nằm trong diện tích đất nhận khoán năm 2004, nhưng ông V khai đào ao từ năm 1993 đến năm 2004.

Do đó, theo Thông báo số 39/TB-HĐTVPL ngày 24/03/2017 của Hội đồng tư vấn pháp luật huyện L1, Thông báo kết luận số 108/TB-UBND ngày 24/8/2016 của Phó Chủ tịch UBND huyện. Ngày 31/3/2017, Trung tâm phát triển quỹ đất có Tờ trình số 16/TTr-TTPTQĐ V/v đề nghị phê duyệt chi phí đào ao bằng thủ công cho hộ ông Nguyễn Quang V ban hành kèm theo Phương án số 10/PA-TTPTQĐ ngày 31/3/2017, được bồi thường cụ thể như sau: hộ ông Nguyễn Quang V tổng cộng $13.523,5\text{m}^3$, đơn giá bổ sung là: 124.790 đồng/ m^3 , với tổng số tiền bổ sung là: 1.687.600.061 đồng - 12.516.600 đồng (tính dư) = 1.675.083.461 đồng là đúng quy định của pháp luật.

Nay không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông V, đề nghị Tòa án xem xét bác đơn khởi kiện.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Công ty cổ phần Thủy điện T trình bày:

Theo Quyết định số 1524/QĐ-UBND ngày 05/5/2017 của Ủy ban nhân dân huyện L1 về việc *"phê duyệt phương án bổ sung công đào ao bằng thủ công cho các hộ ông Nguyễn Quang V, Lê Đình M, Lê Đình Vân và bổ sung phần nương đào ao bằng thủ công cho các hộ ông Lê Đình H1, Lê Đình N tại công trình thủy điện Đ trên địa bàn huyện L1"* (sau đây xin gọi tắt là quyết định 1524/QĐ-UBND), Công ty cổ phần Thủy điện T (sau đây gọi tắt là Thủy điện T) đã tiến hành thực hiện theo đúng theo Quyết định của UBND huyện L1.

Cụ thể đã phối hợp cùng Ủy ban nhân dân xã T3 công khai phương án đã lãnh đạo huyện L1 phê duyệt. Tổ chức chi trả bồi thường số tiền 1.675.083.461 đồng cho hộ gia đình ông Nguyễn Quang V (đính kèm 03 phiếu chi). Nguồn kinh phí hỗ trợ bồi thường Công ty cổ phần Thủy điện T chi trả và hạch toán vào giá trị công trình.

Căn cứ vào Quyết định số 12/2015/QĐ-UBND ngày 10/10/2015 của UBND tỉnh Lâm Đồng. Căn cứ theo Báo cáo số 48/BC-TNMT ngày 26/4/2017 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện L1 báo cáo kết quả thẩm định phương án tính toán bổ sung công đào ao bằng thủ công cho các hộ ông Nguyễn Quang V, Lê Đình M, Lê Đình V và bổ sung phần nương đào ao bằng thủ công cho các hộ ông Lê Đình H1, Lê Đình N tại công trình thủy điện Đồng Nai. UBND huyện L1 đã ban hành Quyết định số 1524/QĐ-UBND là có căn cứ để

Công ty T thực hiện việc chi trả tiền bồi thường theo quy định của pháp luật.

Từ những căn cứ pháp lý và nhận định như trên, Công ty cổ phần Thủy điện T không chấp nhận nội dung yêu cầu khiếu kiện của ông Nguyễn Quang V, bà Đoàn Thị L yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện L1 phải thanh toán số tiền còn lại 2.060.223.841 đồng.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ban quản lý rừng huyện L1 trình bày:

Đối với việc kiểm tra, xác định các công trình xây dựng, cây trồng, công đào ao của các hộ dân trên diện tích bị ngập lòng hồ thủy điện Đ là do đơn vị khác chủ trì thực hiện để làm căn cứ cho việc bồi thường giải phóng mặt bằng. Yêu cầu của người khởi kiện đề nghị xem xét một phần Quyết định số 1524/QĐ-UBND ngày 05/5/2017 của UBND huyện L1, Ban quản lý rừng phòng hộ huyện L1 không có ý kiến gì.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 33/2018/HC-ST ngày 09 tháng 11 năm 2018, Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 164, Điều 191, điểm b khoản 2 Điều 193 của Luật tổ tụng hành chính; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Quang V, bà Đoàn Thị L.

Buộc UBND huyện L1 tiếp tục thực hiện việc lập phương án bồi thường bổ sung tiền công đào ao thủ công (bằng tay) đối với các ao 02, 03, 04, 05, 08, 09, 10, 11 như đã kiểm kê ngày 28/10/2009 theo quy định của pháp luật (kèm theo biên bản kiểm kê).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, thi hành án và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 20/11/2018, Ủy ban nhân dân huyện L1 có đơn kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty Cổ phần thủy điện T có đơn kháng cáo toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân huyện L1 và Công ty Cổ phần thủy điện T trình bày vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Quang V.

Người khởi kiện ông Nguyễn Quang V và bà Đoàn Thị L đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của Ủy ban nhân dân huyện L1 và Công ty Cổ phần thủy điện T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của Luật tố tụng hành chính trong quá trình giải quyết vụ án.

- Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử buộc UBND huyện L1 phải bồi thường cho hộ ông V công đào ao đối với 08 ao là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của Ủy ban nhân dân huyện L1 và Công ty Cổ phần thủy điện T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét thẩm tra, kết quả hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của UBND huyện L1 và Công ty cổ phần thủy điện T nộp trong hạn luật định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

UBND huyện L1 và Công ty cổ phần thủy điện T kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Quang V, bà Đoàn Thị L về việc buộc UBND huyện L1 thực hiện bồi thường bổ sung công đào ao thủ công cho vợ chồng ông Nguyễn Quang V, bà Đoàn Thị L vì việc bồi thường theo Quyết định 1524/QĐ-UBND ngày 5/5/2017 của UBND huyện L1 về việc phê duyệt bồi thường bổ sung công đào ao thủ công cho vợ chồng ông Nguyễn Quang V, bà Đoàn Thị L là chưa đầy đủ.

[2] Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm yêu cầu khởi kiện ông Nguyễn Quang V, bà Đoàn Thị L là đúng thẩm quyền và trong thời hiệu khởi kiện.

[3] Quyết định số 1524/QĐ-UBND ngày 05/5/2017 về việc phê duyệt phương án bồi thường bổ sung đào ao bằng thủ công cho các hộ ông Nguyễn Quang V, Lê Đình M, Lê Đình V, Lê Đình H, Lê Đình D và bổ sung phần nương đào ao bằng thủ công cho các hộ ông: Lê Đình H1, Lê Đình N tại công trình Thủy điện Đ trên địa bàn huyện L1.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 15/10/2018, người khởi kiện ông Nguyễn Quang V, bà Đoàn Thị L xác định nội dung khởi kiện là không yêu cầu hủy Quyết định 1524/QĐ-UBND nói trên, chỉ đề nghị Tòa án xem xét quyết định trên vì bồi thường chưa đầy đủ cho vợ chồng ông V.

Theo Biên bản thống kê hiện trạng ngày 28/10/2009 thì trên diện tích đất bị thu hồi của hộ ông Nguyễn Quang V thống kê được có 13 cái ao đã được kiểm kê chi tiết với tổng khối lượng đào là: 46.088,2m³. Trong đó, gia đình ông Nguyễn Quang V tự khai một phần đào bằng máy là: 16.454,1m³ và một phần đào bằng tay là: 29.934,1m³ (BL 113- 116).

Trong quá trình kê khai đền bù thì có đơn tố cáo ông V kê khống. Vụ việc tố cáo đã được xác minh làm rõ, theo Bản kết thúc điều tra số 355/CSĐT (PC44)

ngày 22/3/2016 và Báo cáo số 825/PVII(PC44) ngày 15/4/2016 của Công an tỉnh Lâm Đồng về việc báo cáo kết quả xác minh đơn đề nghị của Công ty T (BL: 79- 89; 132- 137) kết luận việc ông V có thuê người đào ao bằng máy và bằng tay từ năm 1992- 2007 là có thật với khối lượng thể hiện tại Biên bản thống kê hiện trạng là 13 cái ao.

Trong quá trình đào ao, ông V không bị chính quyền địa phương, hay Ban quản lý rừng L2 (biết đào ao) xử phạt hay nhắc nhở cấm không cho tác động vào rừng. Tại Điều III của Hợp đồng xác định ông V được hưởng lợi theo Quyết định số 178/2001/QĐ- TTg ngày 12/11/2001 của Thủ tướng Chính phủ. Điều 20 Quyết định số 178/2001/QĐ- TTg ngày 12/11/2001 của Thủ tướng Chính phủ quy định:

“Hộ gia đình, cá nhân nhận khoán trồng, chăm sóc, bảo vệ rừng sản xuất:

1. ...

2. Được trồng xen cây nông nghiệp với cây rừng khi rừng chưa khép tán; được sản xuất nông, lâm kết hợp dưới tán rừng nhưng không được làm ảnh hưởng xấu đến sinh trưởng của cây rừng; được hưởng toàn bộ sản phẩm trồng xen ”.

Việc gia đình ông V đào ao nhằm sử dụng vào mục đích thả cá, lấy nước tưới tiêu là nhu cầu cần thiết phục vụ sản xuất, và trữ nước để phòng chống cháy rừng là đúng quy định tại Điều 10 Nghị định số 09/NĐ- CP ngày 16/01/2006 của Chính phủ quy định về phòng cháy và chữa cháy rừng. Các ao đào nằm ở các khe suối và nằm trong diện tích đất 9,2ha đất lâm nghiệp thuộc đất rừng sản xuất để trồng rừng bằng vốn tự có của gia đình ông V tại tiểu khu 293b (khoảnh 4, lô b4 b5 c2), thời hạn 50 năm mà gia đình ông V và Ban quản lý rừng L2 có ký Hợp đồng số 01/2004/HĐ- BQL ngày 26/02/2004; việc quản lý, sử dụng, khai thác diện tích đất bị thu hồi của gia đình ông V là hợp pháp.

Căn cứ Điều 88, 89 Luật đất đai năm 2013, Điều 3 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và khoản 3 điều 3 Thông tư 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 thì gia đình ông V đủ điều kiện được bồi thường thiệt hại đối với tài sản, công trình xây dựng gắn liền với đất, trong đó có 13 cái ao gia đình ông V đã đào trước, tại hoặc sau thời điểm ký Hợp đồng số 01/2004/HĐ- BQL ngày 26/02/2004 và trên diện tích đất nhận giao khoán để trồng rừng thì vẫn hội đủ điều kiện được bồi thường công đào ao theo quy định của pháp luật đã được phân tích trên.

Việc UBND huyện L1 đã lập phương án bồi thường công đào 13 ao bằng máy là phù hợp. Còn công đào ao thủ công (bằng tay) UBND huyện L1 ban hành Quyết định số 1524/QĐ- UBND ngày 05/5/2017 trên cơ sở báo cáo số 48/BC-TNMT ngày 26/4/2017 đã bồi thường cho ông V, bà L ao 01,06,07,12,13 (5/13 ao) là chưa đầy đủ gây thiệt hại cho gia đình ông V, Tòa án cấp sơ thẩm buộc UBND huyện L1 tiếp tục thực hiện lập phương án và phê duyệt việc bồi

thường bổ sung tiền công đào ao thủ công (bằng tay) đối với các ao 02, 03, 04, 05, 08, 09, 10, 11 như đã kiểm kê ngày 28/10/2009 theo đúng quy định khối lượng và kích thước theo quy định về việc bồi thường là phù hợp.

Việc UBND huyện L1 chỉ căn cứ Báo cáo số 48/BC-TNMT ngày 26/4/2017 của Phòng tài nguyên môi trường là không xem xét đầy đủ, toàn diện và khách quan toàn bộ các tài liệu chứng cứ có liên quan đến việc giải quyết đơn tố cáo của Công ty cổ phần thủy điện T cho rằng ông V khai không số ao tự đào để được đền bù.

[4] Từ những phân tích trên xét thấy yêu cầu kháng cáo của Ủy ban nhân dân huyện L1 và Công ty cổ phần thủy điện T là không có cơ sở để chấp nhận. Do vậy, Hội đồng xét xử thống nhất theo quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên và người khởi kiện, cần giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm.

[5] Do kháng cáo không được chấp nhận nên Ủy ban nhân dân huyện L1 và Công ty cổ phần thủy điện T phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của UBND huyện L1 và Công ty cổ phần thủy điện T. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 33/2018/HC-ST ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

Căn cứ Điều 89, 90 Luật Đất đai 2013, Nghị định số 47/2014/NĐ-CP của Chính phủ ngày 15/5/2004 quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, giữ, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Quang V, bà Đoàn Thị L.

Buộc UBND huyện L1 tiếp tục thực hiện việc lập phương án bồi thường bổ sung tiền công đào ao thủ công (bằng tay) đối với các ao 02, 03, 04, 05, 08, 09, 10, 11 như đã kiểm kê ngày 28/10/2009 theo quy định của pháp luật (kèm theo biên bản kiểm kê).

Án phí sơ thẩm: Buộc UBND huyện L1 phải chịu 300.000đ án phí hành chính sơ thẩm. Hoàn trả lại cho ông Nguyễn Quang V, bà Đoàn Thị L 300.000 đồng tạm ứng án phí hành chính theo biên lai thu số 0010142 ngày 05/9/2018 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng.

Án phí phúc thẩm: UBND huyện L1 và Công ty cổ phần thủy điện T, mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm. Khấu trừ mỗi người 300.000 đồng tạm ứng án phí UBND huyện L1 và Công ty cổ phần thủy điện T đã nộp lần lượt theo biên lai thu số 0010673 ngày 28/11/2018 và số 0010670 ngày 26/11/2018 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP HCM;
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Cục THADS tỉnh Lâm Đồng;
- ĐS (5);
- Lưu VP(3), HS (2). 15b.MSL38.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thu Thủy